TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sỳ Thị Ngọc Q, sinh năm 1995 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 84, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trang Văn P, sinh năm: 1993 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 84, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay:

K14 phân trại 2, trại giam X, Bộ Công an (Địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Sỳ Thị Ngọc Q trình bày:

Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2015 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau. Ông P thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Bà Q đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông P vẫn không chịu thay đổi và vào năm 2022 ông P đã phạm tội buôn bán ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xử phạt tù, hiện nay ông P đang phải chấp hành hình phạt tù. Nay bà Q cảm thấy không còn niềm tin ở ông P, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P. Về con chung: Bà Q và ông P có 01 người con chung là cháu Trang Ngọc Yến V, sinh ngày 13/9/2015. Bà Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trang Ngọc Yến V. Bà Q không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn ông Trang Văn P trình bày:

Ông P và bà Q qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2015. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, sinh được 01 người con chung là cháu Trang Ngọc Yến V, sinh ngày 13/9/2015. Sống chung được thời gian thì giữa ông P và bà Q nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài nên ông P buồn chán và phạm tội nên lâm vào vòng lao lý. Nay bà Q yêu cầu ly hôn với ông P thì ông P đồng ý. Về con chung: Do ông P đang phải chấp hành án phạt tù nên ông P đồng ý giao con chung là cháu V cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì đang phải chấp hành hình phạt tù nên ông P không thể đến Tòa án tham gia hòa giải được nên ông P xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông P.

Bị đơn là ông Trang Văn P đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo đến tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng ông P đang phải chấp hành hình phạt tù nên vắng mặt tại phiên hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận hòa giải thành được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Sỳ Thị Ngọc Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P có đăng ký kết hôn, nay bà Q xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Trang Văn P đang cư trú tại xã K, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình trong các biên bản làm việc, bản khai tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P, bà Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P cùng xác nhận, bà Q và ông P yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh B. Sống được một thời gian thì ông P và bà Q nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được.

Ông P và bà Q cùng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau và do ông P đã phạm tội và lâm vào vòng lao lý.

Vì cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông P.

Ông P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà Q. Tuy ông P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn nhưng ông P không đến tham gia hòa giải nên không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Q.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Q được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Bà Q và ông P có 01 người con chung là cháu Trang Ngọc Yến V, sinh ngày 13/9/2015. Nay ly hôn bà Q và ông P cùng thống nhất, đồng ý giao cho bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trang Ngọc Yến V và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của con trên 7 tuổi đối với cháu Trang Ngọc Yến V và ghi nhận được nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với bà Q.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi lợi lích được bảo vệ và nhận thấy bà Q có thu nhập và nơi ở ổn định, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung giữa các đương sự, giao cho bà Q được trực tiếp nuôi cháu Trang Ngọc Yến V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà Q không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà Q là không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Sỳ Thị Ngọc Q phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phi dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Sỳ Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Trang Văn P.

Về con chung: Bà Sỳ Thị Ngọc Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trang Ngọc Yến V, sinh ngày 13/9/2015. Ông Trang Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trang Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Sỳ Thị Ngọc Q và ông Trang Văn P không yêu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Sỳ Thị Ngọc Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000149, ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Sỳ Thị Ngọc Q đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 9 năm 2023) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà Q và ông P đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã K, H.Châu Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến